

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 792 /TB-HVYDCT

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

**Tuyển sinh sau đại học chuyên khoa cấp I ngành Châm cứu,
chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II ngành Y học cổ truyền năm 2026**

Kính gửi:

- Các Trường Đại học Y - Dược, Học viện, Viện;
- Các Sở Y tế, Bệnh viện, Trung tâm y tế, Phòng Y tế;
- Các Đơn vị Y tế thuộc lực lượng vũ trang;
- Hội Đông y các tỉnh/ thành phố.

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHC TVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh).

I. DỰ KIẾN CHỈ TIÊU VÀ CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

TT	Trình độ	Ngành	Chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
1	Chuyên khoa I	Y học cổ truyền	150	150	0
		Châm cứu	15	15	0
2	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	65	65	0

TT	Trình độ	Ngành	Chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
3	Bác sĩ nội trú	Y học cổ truyền	20	20	0

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ CÁC MÔN THI TUYỂN CỦA CÁC TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC

1. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

1.1. Điều kiện dự thi

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền hoặc tương đương.

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền. Có giấy phép hành nghề đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (theo Thông tư số 41/2011/TT-BYT) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

1.2. Hình thức đào tạo: chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

1.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết cụ thể như sau:

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Sinh lý

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Y học cổ truyền.

1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.

7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bằng học vi (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

1.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên .
- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm môn thi chuyên ngành cao hơn; 2. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 3. nữ.

2. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Châm cứu

2.1. Điều kiện dự thi

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung ngành YHCT hoặc chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam. Hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ y khoa và có thêm chứng chỉ định hướng chuyên khoa YHCT (hoặc chứng chỉ chuyên khoa định hướng YHCT hoặc chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ YHCT hoặc chứng chỉ sơ bộ chuyên khoa YHCT hoặc chứng chỉ đào tạo liên tục định hướng chuyên khoa YHCT được tuyển sinh và đào tạo trước ngày 09 tháng 07 năm 2019, chứng chỉ đào tạo liên tục y học cổ truyền cơ bản với thời gian từ 06 tháng trở lên).

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT. Có giấy phép hành nghề đối với những bác sĩ làm việc liên tục trong ngành YHCT từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự tuyển được đăng ký dự thi.

- Đủ sức khỏe học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa cấp I tại Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

2.2. Hình thức đào tạo: chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

2.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết

1. Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Giải phẫu.

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Y học cổ truyền.

2.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác.
7. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (bản sao công chứng hợp lệ).
9. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
10. Bảng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bảng tốt nghiệp đại học, Bảng điểm đại học và Bảng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

11. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

2.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm môn thi chuyên ngành cao hơn; 2. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 3. nữ.

3. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

3.1. Điều kiện dự thi

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương xác nhận.

- Có đủ sức khỏe (theo quy định tại thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền hoặc tốt nghiệp thạc sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền và có chứng chỉ khám bệnh, chữa bệnh hoặc giấy phép hành nghề.

3.2. Hình thức đào tạo

- Hệ tập trung: Học tập trung liên tục 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập không quá 04 năm.

3.3. Các môn thi tuyển: hình thức thi viết

1. Môn ngoại ngữ (thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết) : Một trong các ngoại ngữ: Anh, Trung. Mức độ đề thi tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 hoặc tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

2. Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Y học cổ truyền, trình độ Chuyên khoa I.

3.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
 2. Sơ yếu lý lịch.
 3. Giấy khai sinh (Bản sao công chứng hợp lệ).
 4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
 5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
 6. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).
 7. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (Bản sao công chứng hợp lệ)
 8. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.
 9. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm trình độ Đại học; Chuyên khoa I; Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền (Bản sao công chứng hợp lệ).
- Đối với ứng viên tốt nghiệp tại nước ngoài:
- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, Học vị (nếu có) (Bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bản sao công chứng hợp lệ).
10. Bằng tốt nghiệp khác, bảng điểm (Bản sao công chứng hợp lệ).
 11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).
 12. Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

3.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo CKI cao hơn; 2. nữ.

4. Tuyển sinh trình độ Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

4.1. Điều kiện dự tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền và đạt từ loại khá trở lên.
- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:
 - + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên và chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.
 - + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá hai năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Một trong các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.
- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe, thai sản).
- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.
- Học viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, nếu có đủ các điều kiện trên được xét miễn thi tuyển.

4.2. Hình thức đào tạo

- Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: Thi tuyển.
- Tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: 01lần/năm.
- Thời gian đào tạo: 03 năm.
- Học viên phải thường trú tại Học viện.

- Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con.

4.3. Các môn thi tuyển: Thi viết

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh và đào tạo BSNT có hiệu lực tại thời điểm thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú của Học viện.

Môn thi 1: Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Môn thi 2: Sinh lý (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định)

Môn thi 3: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định)

Môn thi 4: Bệnh học Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định)

Thí sinh đạt trình độ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam – Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được miễn thi ngoại ngữ.

5.4. Hồ sơ dự thi

1. Phiếu đăng ký dự thi ghi rõ chuyên ngành xin học, môn ngoại ngữ dự thi và cam kết chấp hành phân công công tác sau khi tốt nghiệp (Theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của trường đại học.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe (dùng cho người đủ 18 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2013).

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì) và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

6. Bản sao bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học (công chứng).

7. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, công chứng).

8. Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (nếu có, công chứng).

5.5. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự với điều kiện: đạt 5,0 điểm trở lên của môn ngoại ngữ sau khi quy đổi từ thang điểm 100 về thang điểm 10 hoặc miễn thi ngoại ngữ; đạt

từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 đối với môn thi 2 và môn thi 3 sau khi đã làm tròn đến 0,5; môn thi 4 phải đạt từ 7,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến 0,5. Tổng điểm thi tuyển dùng để xét tuyển là tổng điểm 3 môn thi (không cộng điểm môn thi ngoại ngữ) sau khi đã cộng điểm ưu tiên (nếu có). Điểm trúng tuyển căn cứ theo chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm môn thi thứ 4 cao hơn; 2. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo đại học cao hơn; 3. nữ.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Áp dụng đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa II, Chuyên khoa I và Bác sĩ nội trú.

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên:

Đối với tuyển sinh chuyên khoa I, chuyên khoa II, Bác sĩ nội trú: ứng viên thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (01 điểm theo thang điểm 10) vào tổng điểm kết quả thi các môn thi (không cộng điểm môn thi ngoại ngữ).

Ghi chú:

- Các thí sinh thuộc diện ưu tiên đề nghị nộp giấy xác nhận ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025 đối với đợt 1 và năm 2026 đối với các đợt thi sau đợt 1.

VI. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Đợt I năm 2026 (dự kiến): tuyển sinh chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II.

1.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến tháng 03/2026.

1.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00 ngày 18/ 3/ 2026 đến 16h30 ngày 22/ 5/ 2026.

1.3. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <https://saudaihoc.vutn.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-sau-dai-hoc.html>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (theo hướng dẫn đính kèm).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Hà Nội.

1.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

3.5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 01/ 6/ 2026.

3.6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

1.4. Ôn thi

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 25/05/2026 đến 19/06/2026.

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

1.5. Thời gian - địa điểm thi, xét tuyển

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 26 - 27/ 6/ 2026.

- Ngày xét tuyển dự kiến: dự kiến từ ngày 07/ 7 đến ngày 10/ 7/2026.

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học năm 2026 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutm.edu.vn>.

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

2. Đợt II năm 2026 (dự kiến) Tuyển sinh chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II (nếu còn chỉ tiêu) và Bác sỹ nội trú.

2.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 20/ 07/2026.

2.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00' ngày 28/ 07/ 2026 đến 16h30' ngày 22/ 9/ 2026.

2.3.. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <https://saudaihoc.vutm.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-sau-dai-hoc.html>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (*theo hướng dẫn đính kèm*).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y -- Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Hà Nội.

2.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Bác sỹ nội trú, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 09/10/2026

6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

2.4. Ôn thi

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 14/09/2026

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

2.5. Thời gian - địa điểm thi

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 28,29/10/2026.

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học năm 2026 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vuttm.edu.vn>

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

VII. CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ DỰ KIẾN NHẬP HỌC

1. Công bố kết quả thi

- Công bố kết quả thi: dự kiến đợt 1 trước 15/7/2025; Đợt 2 trước 30/11/2025

2. Dự kiến nhập học:

- Nhập học dự kiến đợt 1: 8/2026; Đợt 2: 11/2026.

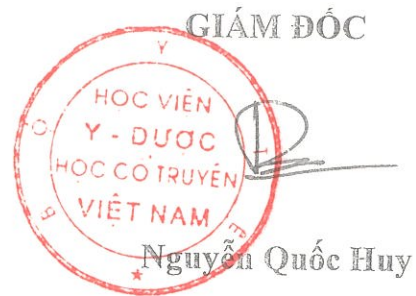
Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học năm 2026 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vuttm.edu.vn>.

Nhận được thông báo này, trân trọng đề nghị Quý cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh Sau đại học năm 2026 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho các

đơn vị trực thuộc để cán bộ có đủ điều kiện và nguyện vọng thi tuyển làm các thủ tục cần thiết dự thi theo đúng kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục KHCN&ĐT Bộ Y tế (để b/c);
- Vụ GDDH Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các Phòng ban (để phối hợp th/h);
- Website Học viện;
- Lưu: VT, SĐH.



Phụ lục .

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

u

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN
SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399	Nghe: 400-489
			Đọc: 275-384	Đọc: 385-454
			Nói: 120-159	Nói: 160-179
			Viết: 120-149	Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			

Số: 58 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc 1, 2, 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Tập đoàn Giáo dục Pearson về việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test (VEPT) tương đương với các bậc 1, 2, 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, mức độ đạt 3/6 bậc, cụ thể như sau:

Khung thang điểm VEPT	KNLNNVN
10 - 29	Bậc 1
30 - 42	Bậc 2
43 - 66	Bậc 3

Đối với chứng chỉ tiếng Anh VEPT đạt từ 67 điểm trở lên được dùng thay cho chứng chỉ tương đương với Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

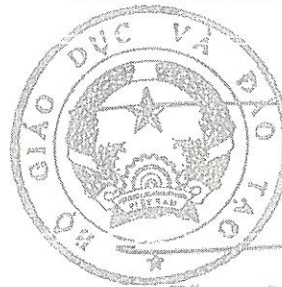
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các cơ sở GDĐH, viện khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ;
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Phạm Ngọc Thương

Số: 925 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

Xét đề nghị của Công ty TNHH British Council (Việt Nam) tại Hồ sơ đề nghị công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL họp ngày 24 tháng 3 năm 2023;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL) tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

Điều 2. Mức độ tương đương cụ thể như sau:

KNLNNVN		Aptis ESOL
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN

Kính gửi:

Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học – Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

Tôi tên là:

Ngày sinh:

Quê quán:

Địa chỉ thường trú:

Dân tộc:

Cơ quan công tác hiện nay:

Địa chỉ cơ quan:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xác nhận tôi thuộc diện đối tượng ưu tiên theo quy định (thí sinh đánh dấu vào ô tương ứng):

1. ☐ Có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tại Khu vực 1 (KV1).
2. ☐ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
3. ☐ Con liệt sĩ.
4. ☐ Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
5. ☐ Dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại KV1.
6. ☐ Con đẻ của người nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng học tập, sinh hoạt.

Tôi làm đơn này để hoàn thiện hồ sơ dự thi tuyển sinh sau đại học tại Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam năm 2025.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Ưu tiên mục 1: Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự
- Ưu tiên mục 2, 3, 4, 6: Xác nhận của phòng Lao động và thương binh xã hội cấp Huyện trở lên
- Ưu tiên mục 5: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp Xã trở lên
- Thí sinh khi nộp giấy xác nhận đối tượng xét ưu tiên phải kèm theo bản sao các minh chứng

W

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

TRÌNH ĐỘ:

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày sinh: Nơi sinh: Dân tộc:
3. Quê quán:
4. Địa chỉ thường trú:
5. Ngày vào Đảng CSVN: Ngày chính thức:
6. Đối tượng dự thi: Biên chế: ☐ Hợp đồng: ☐ Thí sinh tự do: ☐
- Đối tượng khác (Ghi cụ thể):
7. Đối tượng ưu tiên (nếu có): Thương binh: ☐ Con liệt sĩ: ☐ Anh hùng LLVT: ☐
- Người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn: ☐ Con nạn nhân chất độc da cam: ☐
- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên ở các xã thuộc vùng khó khăn: ☐
8. Nghề nghiệp chức vụ (ghi rõ chức vụ):
9. Cơ quan công tác hiện nay:
10. Địa chỉ cơ quan:
- 11a. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp đại học:
- b. Thâm niên công tác chuyên môn YHCT:
- c. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp Sau đại học:
12. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN)
- Hệ đào tạo: Ngành đào tạo:
- Năm TN: Loại TN:
13. Văn bằng đại học khác (nếu có)
14. Chứng chỉ định hướng chuyên khoa (nếu có)
15. Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển:
- a. Diện thi ngoại ngữ (ghi rõ ngoại ngữ dự tuyển)
- b. Diện miễn ngoại ngữ (ghi rõ loại văn bằng ngoại ngữ)
16. Địa chỉ liên hệ:
- Số điện thoại của thí sinh: Email:
- Tôi xin cam thực hiện đầy đủ quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo hiện hành, quy định của Học viện và cơ quan cử đi học
- Những điều ghi trong đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

.....ngày.....tháng.....năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THÂM NIÊN CÔNG TÁC

Kính gửi: HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ thông báo tuyển sinh Sau đại học nămcủa Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Đơn vị:.....

Xác nhận Ông/Bà:.....

Sinh ngày:

Công tác tại:.....

Đã có thâm niên công tác trong chuyên ngành Y học cổ truyền từ ngày.....đến ngày.....

Kính đề nghị Học viện tạo điều kiện để Ông/Bà.....được dự thi

Khóa.....năm.....

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà nội, ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan

(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ẢNH

4x6

(đóng dấu giáp lai
của nơi xác nhận
hồ sơ)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

TỰ THUẬT

Họ và tên:.....Nam, nữ:.....

Sinh năm:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:.....

.....

.....

Chứng minh thư nhân dân số:.....cấp tại.....

Ngày.....tháng.....năm

Khi cần báo tin cho ai, ở đâu?

.....

.....

.....

Số.....

Ký hiệu.....

HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

Họ và tên bố:..... Sinh năm.....

Nghề nghiệp..... Nơi làm việc.....

Họ và tên mẹ Sinh năm.....

Nghề nghiệp..... Nơi làm việc.....

Nơi ở:

Họ và tên chồng (vợ) Sinh năm.....

Nghề nghiệp..... Nơi làm việc.....

Nơi ở:

Họ và tên các con

Tuổi.

Nghề nghiệp

1)

2)

.....

HỌ VÀ TÊN ANH CHỊ EM RUỘT

(Ghi rõ tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp và trình độ chính trị của từng người)

Họ và tên khai sinh : Nam, nữ:

Tên thường gọi.....

Sinh ngày.....thángnăm tại:.....

Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú hiện nay:.....

.....

Dân tộc:.....Tôn giáo.....

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa (THPT, THBT, TCCN).....

Nơi cấp bằngKí ngàytháng.....năm.....

Trình độ ngoại ngữ:.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Đã tốt nghiệp đại họcNgành.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Đã tốt nghiệp sau đại học.....Ngành.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam ngày.....tháng.....năm.....

Nơi kết nạp:.....

Tình trạng sức khỏe hiện nay:.....

Nghề nghiệp hoặc trình độ chuyên môn.....

Cấp bậc:.....Hệ số lương chính hiện nay:.....

Ngày nhập ngũ QĐNDVN(TNXP).....ngày xuất ngũ.....

Lý do:.....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

(Ghi từ khi tốt nghiệp THPT, THBT..., Cao đẳng, Đại học ..., Công tác)

Từ tháng năm đến tháng năm	Học, làm gì?	Ở đâu?	Kết quả, chức vụ

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

a, Khen thưởng:.....

b, Kỷ luật:.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai sai trái, tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN,
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

Ngày.....tháng.....năm 20..

Người khai ký, ghi rõ họ tên

Tôi là

Chức vụ.....

Xác nhận hồ sơ

.....

Ngày.....tháng.....năm 20..

Kí tên và đóng dấu